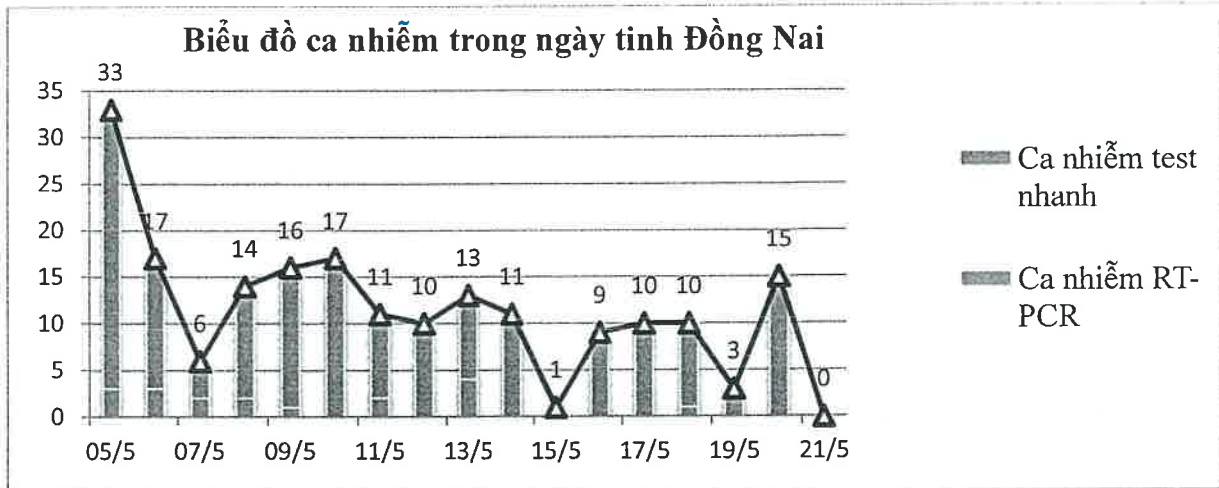


BÁO CÁO NGÀY
Công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
Đến 22h00 ngày 21/5/2022

I. Tình hình dịch bệnh (Từ ngày 27/4/2021 đến nay)

T T	Địa phương	Số ca mắc mới trong ngày						Lũy kế		
		RT-PCR	Test nhanh kháng nguyên (+)	Cộng đồng	Khu cách ly tập trung	Khu phong tỏa	Tổng cộng	RT-PCR	Test nhanh	Tổng số ca bệnh
1	Biên Hòa	0	0	0	0	0	0	51.093	104.864	155.957
2	Nhon Trạch	0	0	0	0	0	0	19.379	42.493	61.872
3	Vĩnh Cửu	0	0	0	0	0	0	13.946	25.316	39.262
4	Trảng Bom	0	0	0	0	0	0	9.695	24.830	34.525
5	Long Thành	0	0	0	0	0	0	4.090	23.016	27.106
6	Thống Nhất	0	0	0	0	0	0	2.102	16.052	18.154
7	Định Quán	0	0	0	0	0	0	1.096	16.872	17.968
8	Tân Phú	0	0	0	0	0	0	1.074	16.001	17.075
9	Cẩm Mỹ	0	0	0	0	0	0	773	15.559	16.332
10	Xuân Lộc	0	0	0	0	0	0	1.346	14.157	15.503
11	Long Khánh	0	0	0	0	0	0	1.682	13.597	15.279
12	Ngoại tỉnh	0	0	0	0	0	0	403	0	403
Tổng số		0	0	0	0	0	0	106.679	312.757	419.436

* Triển khai Công văn số 1909/BYT-DP ngày 15/4/2022 của Bộ Y tế về việc điều chỉnh định nghĩa ca bệnh COVID-19 và biện pháp y tế đối với ca bệnh COVID-19 và người tiếp xúc gần.

**Nhận xét:**

- Trong ngày không ghi nhận ca mắc COVID-19 mới.
- Lũy kế từ ngày 27/4 đến nay đã ghi nhận 419.436 ca mắc COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

II. Công tác y tế**1. Cách ly, theo dõi sức khỏe:**

	Trong ngày	Đang theo dõi	Kết thúc	Lũy kế
Cách ly tập trung	00	00	44.104	44.104
Cách ly tại nhà	00	81	384.961	385.042
Theo dõi sức khỏe	00	00	51.981	51.981

Giải thể các cơ sở cách ly tập trung, duy trì các cơ sở thu dung người mắc COVID-19 tại các huyện, thành phố phục vụ người dân không đủ điều kiện cách ly tại nhà.

2. Điều trị**2.1. Tình hình điều trị**

	Đang điều trị		Khỏi bệnh		Tử vong		Nguy kịch
	Trong ngày	Lũy kế	Trong ngày	Lũy kế	Trong ngày	Lũy kế	
Số lượng	00	49	04	417.424	00	1.963	05
Tỉ lệ		0,02%		99,51%		0,47%	6,32%

- Số ca F0 đang điều trị tại cơ sở y tế: 05 ca (trong đó có 05 ca phải thở oxy)
- Số ca F0 đang theo dõi tại nhà: 46 ca
- Tỉ lệ tử vong trên tổng số ca nhiễm lũy kế: **0,47%**
- Số ca tử vong/100.000 dân/tuần: **0,06**
- Tỉ lệ tử vong/ tổng số ca điều trị/tuần: **0,06%**

2.2. Mô hình điều trị tháp 3 tầng

	Công suất	Đang theo dõi	Số giường còn lại
Tầng 3	328	5	320
Tầng 2	3.821	0	3.821
Tầng 1	5.544	0	5.544

Số ca bệnh chuyển nặng phải nhập viện hỗ trợ y tế đã giảm đáng kể, hiện toàn tỉnh chỉ còn 05 ca điều trị tại cơ sở y tế, trong đó có 04 ca cần thở oxy.

2.3. Theo dõi F0 tại nhà

STT	Địa phương	Ca mới trong ngày	Đang Theo dõi	Khỏi bệnh	Lũy kế
1	Biên Hòa	0	18	166.951	167.079
2	Long Khánh	0	8	13.941	13.949
3	Vĩnh Cửu	0	8	29.506	29.537
4	Định Quán	0	2	17.565	17.567
5	Tân Phú	0	0	16.042	16.051
6	Trảng Bom	0	0	13.860	13.862
7	Thống Nhất	0	1	16.431	16.439
8	Xuân Lộc	0	0	13.707	13.718
9	Cẩm Mỹ	0	1	15.450	15.452
10	Long Thành	0	0	38.452	38.452
11	Nhơn Trạch	0	6	42.486	42.493
	Tổng	0	44	384.391	384.599

3. Tiêm vắc xin phòng COVID-19 (Cập nhật ngày 19/5/2022)

- Được sự chấp thuận của UBND tỉnh tại văn bản số 4595/UBND-KGVX ngày 12/5/2022, Sở Y tế triển khai Kế hoạch số 3377/KH-SYT ngày 06/5/2022 của Sở Y tế về việc phân bổ sử dụng vắc xin phòng COVID-19 cho trẻ từ 5 đến 11 tuổi trên địa bàn tỉnh đợt 40.

- Trong ngày trên địa bàn tỉnh đã thực hiện tiêm 3.850 liều vắc xin phòng COVID-19. Lũy kế đến hiện tại tỉnh đã thực hiện tiêm tổng số 7.544.956 liều vắc xin cho người dân từ 5 tuổi trở lên;

- Tỷ lệ bao phủ vắc xin COVID-19 đối tượng trong độ tuổi tiêm chủng từ **05 tuổi trở lên: Mũi 1: 105,66% ; Mũi 2: 97,23% ; Mũi 3: 50,58%**

- Tất cả 11/11 huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh đều đạt tỷ lệ trên 97% người dân đã được tiêm đủ 02 liều cơ bản vắc xin phòng COVID-19, trên 60% người dân từ 18 tuổi trở lên được tiêm mũi 3; trong đó có 02 huyện, thành phố đạt từ 50-60% (Biên Hòa, Thống Nhất); 04 huyện, thành phố đạt tỷ lệ từ 60% đến 70% (Long Thành, Xuân Lộc, Trảng Bom, Tân Phú); 05 huyện, thành phố đạt trên 70% (Vĩnh Cửu, Cẩm Mỹ, Nhơn Trạch, Định Quán, Long Khánh).

Trong đó:

- + Tỷ lệ tiêm mũi 3 cho người từ 18 tuổi trở lên đạt 63,70%
- + Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 12 đến dưới 18 tuổi đạt 93,71%
- + Tỷ lệ tiêm mũi 1 cho trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi đạt 46,76%
- + Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 65 tuổi trở lên đạt 98,42%.
- + Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 50 tuổi trở lên đạt 99,19%.

4. Công tác xét nghiệm:

	Trong ngày		Lũy kế	
	Thực hiện	Dương tính	Thực hiện	Dương tính
Test nhanh	42	00	2.325.000	317.907
RT-PCR mẫu đơn	40	04	2.147.045	282.854
RT-PCR mẫu gộp	00	00	383.845	35.212
Lượt người thực hiện PCR	40	04	3.973.687	282.857

- Số mẫu test nhanh dương tính chờ kết quả RT-PCR: 00
- Số mẫu nghi ngờ, gộp dương: 00 mẫu.

5. Hoạt động Trạm Y tế lưu động, Tổ COVID cộng đồng:

- Duy trì hoạt động hiệu quả các Trạm Y tế lưu động tại địa phương và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
- Số Trạm Y tế lưu động đã triển khai: 234 TYT lưu động tại 11/11 huyện, thành phố. Số Tổ COVID cộng đồng đã triển khai: 10.534 tổ.

6. Nhận định tình hình dịch bệnh và Kiến nghị

a) Nhận định tình hình dịch bệnh

- Trong ngày không ghi nhận ca mắc COVID-19 mới. Trên địa bàn tỉnh đang theo dõi 49 ca mắc COVID-19 bao gồm 05 ca theo dõi tại cơ sở y tế, trong đó có 05 ca phải hỗ trợ thở oxy.

- Lũy kế từ ngày 27/4 đến nay đã ghi nhận 419.436 ca mắc COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Tỷ lệ bao phủ vắc xin COVID-19 đối tượng trong độ tuổi tiêm chủng từ **05 tuổi trở lên: Mũi 1: 105,66% ; Mũi 2: 97,23% ; Mũi 3: 50,58%**

- Tất cả 11/11 huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh đều đạt tỷ lệ trên 97% người dân đã được tiêm đủ 02 liều cơ bản vắc xin phòng COVID-19, trên 60% người dân từ 18 tuổi trở lên được tiêm mũi 3; trong đó có 02 huyện, thành phố đạt từ 50-60% (Biên Hòa, Thống Nhất); 04 huyện, thành phố đạt tỷ lệ từ 60% đến 70% (Long Thành, Xuân Lộc, Trảng Bom, Tân Phú); 05 huyện, thành phố đạt trên 70% (Vĩnh Cửu, Cẩm Mỹ, Nhơn Trạch, Định Quán, Long Khánh).

Trong đó:

- + Tỷ lệ tiêm mũi 3 cho người từ 18 tuổi trở lên đạt 63,70%
- + Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 12 đến dưới 18 tuổi đạt 93,71%
- + Tỷ lệ tiêm mũi 1 cho trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi đạt 46,76%

- + Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 65 tuổi trở lên đạt 98,42%.
 - + Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 50 tuổi trở lên đạt 99,19%.
 - Cập nhật đánh giá phân loại cấp độ dịch mới trên địa bàn tỉnh đến ngày 14/5/2022: tỉnh Đồng Nai duy trì mức nguy cơ **Cấp độ 1 Bình thường mới**
 - + Cấp huyện: tất cả 11/11 huyện, thành phố cấp độ 1;
 - + Cấp xã: tất cả 170/170 xã, phường cấp độ 1.
- (Chi tiết tại Phụ lục 1)

b) Kiến nghị


- Các địa phương định kỳ đánh giá cấp độ dịch hàng tuần theo hướng dẫn tại Quyết định số 218/QĐ-BYT ngày 27/01/2022 của Bộ Y tế về việc Hướng dẫn tạm thời về chuyên môn y tế thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ ban hành Quy định tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19" (thay thế Quyết định số 4800/QĐ-BYT ngày 12/10/2021 của Bộ Y tế).

- Các địa phương tập trung chỉ đạo thực hiện Kế hoạch số 71/KH-UBND ngày 30/3/2022 của UBND tỉnh về việc Tổ chức Chiến dịch tiêm vắc xin phòng COVID-19 thần tốc trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 07/4/2022 về việc triển khai chiến dịch tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho trẻ từ 5 đến 11 tuổi trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 10/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về Thực hiện Quy định tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19" trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Tiếp tục đẩy mạnh truyền thông thực hiện hiệu quả công thức 5K + vắc xin, thuốc điều trị + công nghệ + ý thức người dân. Đặc biệt chú trọng truyền thông về hiệu quả của việc tiêm vắc xin trong phòng chống dịch bệnh tăng sự đồng thuận của người dân.

- Triển khai Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 22/4/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai các hoạt động bảo vệ sức khỏe người dân giai đoạn hậu COVID-19 trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là báo cáo ngày công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai./. 

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- TU, UBND Tỉnh;
- BCĐ tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Website SYT;
- Lưu VT, NV.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Quang Trung

TÀNG 1																								
TỔNG CỘNG (Tầng 1)	50	50	0	0	0	0	0	0	0	1533	20	19089	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	50
TỔNG TÁC (3+2+1)	552	360	1	1	0	0	0	0	5	2270	1178	24309	1	0	0	4	0	0	0	0	0	0	1	290

**Phụ lục 3: Tình hình tiêm vắc xin phòng COVID-19 đối tượng từ 5 tuổi trở lên
(Cập nhật ngày 19/5/2022)**

TT	Địa phương	Người từ 5 tuổi trở lên											Mũi 4	Tỷ lệ mũi 4
		Dân số từ 5 tuổi trở lên	Mũi 1	Tỷ lệ Mũi 1	Mũi 2	Tỷ lệ Mũi 2	Mũi 3	Tỷ lệ Mũi 3	Mũi 4	Tỷ lệ Mũi 4				
1	Biên Hòa	1.067.510	1.127.246	105,60%	1.072.605	100,48%	462.178	43,29%	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
2	Long Khánh	152.596	147.090	96,39%	136.585	89,51%	85.530	56,05%	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
3	Long Thành	243.125	258.423	106,29%	233.883	96,20%	134.028	55,13%	34	0,01%	0	0,00%	0	0,00%
4	Nhon Trạch	284.738	273.429	96,03%	222.557	78,16%	126.567	44,45%	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
5	Thống Nhất	157.127	159.163	101,30%	144.148	91,74%	70.111	44,62%	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
6	Trảng Bom	314.810	329.628	104,71%	292.803	93,01%	172.492	54,79%	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
7	Vĩnh Cửu	152.991	165.199	107,98%	160.876	105,15%	96.057	62,79%	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
8	Xuân Lộc	217.600	222.102	102,07%	206.742	95,01%	114.125	52,45%	1	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
9	Cẩm Mỹ	130.504	129.777	99,44%	121.332	92,97%	80.020	61,32%	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
10	Định Quán	172.833	170.202	98,48%	161.854	93,65%	96.579	55,88%	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
11	Tân Phú	146.636	154.541	105,39%	140.707	95,96%	67.972	46,35%	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
	Đồng Nai	2.976.556	3.145.170	105,66%	2.894.092	97,23%	1.505.659	50,58%	35	0,00%				

**Phụ lục 4: Tình hình tiêm vắc xin phòng COVID-19 theo nhóm tuổi
(Cập nhật ngày 19/5/2022)**

TT	Địa phương	Người từ 12 đến 17 tuổi										Người từ 5 đến 11 tuổi					
		Dân số 12-17	Số mũi tiêm trong ngày	Mũi 1	Tỷ lệ Mũi 1	Mũi 2	Tỷ lệ Mũi 2	Mũi 3	Tỷ lệ Mũi 3	Dân số 5-11	Số mũi tiêm trong ngày	Mũi 1	Tỷ lệ Mũi 1	Mũi 2	Tỷ lệ Mũi 2		
1	Biên Hòa	93.343	1	90.536	96,99%	85.450	91,54%	0	0,00%	105.514	472	49.890	47,28%	0	0,00%		
2	Long Khánh	15.466	100	15.466	100,00%	14.955	96,70%	1	0,01%	16.359	442	7.506	45,88%	282	1,72%		
3	Long Thành	27.269	104	27.341	100,26%	24.810	90,98%	0	0,00%	24.790	149	10.928	44,08%	160	0,65%		
4	Nhon Trạch	18.215	0	19.565	107,41%	16.888	92,71%	0	0,00%	22.771	0	10.112	44,41%	0	0,00%		
5	Thống Nhất	14.905	0	15.728	105,52%	14.162	95,02%		0,00%	20.979	0	8.490	40,47%	0	0,00%		
6	Trảng Bom	34.961	0	33.558	95,99%	33.743	96,52%	0	0,00%	28.980	436	16.840	58,11%	0	0,00%		
7	Vĩnh Cửu	15.040	69	14.988	99,65%	14.481	96,28%	0	0,00%	16.802	207	8.370	49,82%	187	1,11%		
8	Xuân Lộc	22.654	56	22.486	99,26%	21.623	95,45%	0	0,00%	28.901	101	10.382	35,92%	496	1,72%		
9	Cẩm Mỹ	12.810	191	12.694	99,09%	12.028	93,90%	0	0,00%	15.417	524	6.887	44,67%	515	3,34%		
10	Định Quán	20.291	3	20.266	99,88%	19.837	97,76%	0	0,00%	22.562	429	11.012	48,81%	641	2,84%		
11	Tân Phú	17.908	0	17.178	95,92%	16.450	91,86%	0	0,00%	16.926	0	9.216	54,45%	0	0,00%		
	Đồng Nai	292.862	524	289.806	98,96%	274.427	93,71%	1	0,00%	320.001	2.760	149.633	46,76%	2.281	0,71%		



